

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN THỊ THUỶ LINH

PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN
QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH

Chuyên ngành: **Luật Kinh tế**

Mã số: **8380107**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Hồ Ngọc Hiến**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn.....	6
7. Bố cục luận văn	6
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN VÀ PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN	8
1.1. Một số vấn đề lý luận về xử lý chất thải rắn	8
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm chất thải rắn.....	8
1.1.1.1. Khái niệm chất thải rắn	8
1.1.1.2. Đặc điểm chất thải rắn.....	8
1.1.2. Khái niệm, mục đích xử lý chất thải rắn	9
1.1.2.1. Khái niệm xử lý chất thải rắn thông thường	9
1.1.2.2. Mục đích của việc xử lý chất thải rắn thông thường.....	9
1.2. Một số vấn đề lý luận về pháp luật xử lý chất thải rắn	9
1.2.1. Khái niệm, nội dung pháp luật về xử lý chất thải rắn	9
1.2.2. Vai trò của pháp luật về xử lý chất thải rắn	9
1.2.3. Nguyên tắc của pháp luật xử lý chất thải rắn.....	9
1.2.4. Các yêu cầu đặt ra đối với pháp luật về xử lý chất thải rắn	9
1.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về xử lý chất thải rắn	9
1.3. Quy định của pháp luật Việt Nam về xử lý chất thải rắn.....	9
1.3.1. Quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân	9
1.3.1.1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với xử lý chất thải rắn sinh hoạt .	9
1.3.1.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với xử lý chất thải rắn	9
1.3.2. Quy định về thu gom, vận chuyển chất thải rắn	9
1.3.2.1. Quy định về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.....	10
1.3.2.2. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	10
1.3.3. Quy định về xử lý chất thải rắn, yêu cầu xử lý chất thải	10
1.3.3.1. Quy định về xử lý chất thải rắn sinh hoạt	10
1.3.3.2. Quy định về xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	10
1.3.4. Chi phí xử lý chất thải rắn.....	10
1.3.4.1. Chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt	10
1.3.4.2. Chi phí xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	10
1.3.5. Xử lý vi phạm pháp luật về xử lý chất thải rắn thông thường	10
1.3.5.1. Xử lý vi phạm hành chính	10
1.3.5.2. Về truy cứu trách nhiệm hình sự.....	10
1.3.5.3. Về giải quyết bồi thường thiệt hại.....	10
1.3.6. Trách nhiệm của Nhà nước trong xử lý chất thải rắn	10

1.3.6.1. Trách nhiệm của Nhà nước trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	10
1.3.6.2. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	10
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	10
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH.....	12
2.1. Thực trạng pháp luật về xử lý chất thải rắn.....	12
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình.....	13
2.2.1. Thực tiễn ban hành và triển khai thực hiện các văn bản pháp luật quản lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình.....	13
2.2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về phân loại chất thải rắn tại nguồn.....	13
2.2.3. Thực tiễn áp dụng các quy định về thu gom, vận chuyển chất thải rắn....	13
2.2.4. Thực tiễn áp dụng các quy định về xử lý chất thải rắn	14
2.2.5. Thực tiễn áp dụng các quy định về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật	14
2.3. Đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình.....	15
2.3.1. Khái quát chung tình hình xử lý CTR tại tỉnh Quảng Bình	15
2.3.2. Những kết quả đạt được	15
2.3.3. Những hạn chế, bất cập, vướng mắc phát sinh từ quá trình xử lý CTR tại tỉnh Quảng Bình	15
2.3.4. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập	16
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	17
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN	18
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về xử lý chất thải rắn	18
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật xử lý chất thải rắn	18
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật xử lý chất thải rắn	19
3.3.1. Tiếp tục hoàn thiện, triển khai các thể chế, chính sách.....	19
3.3.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy đáp ứng yêu cầu quản lý chất thải rắn	19
3.3.3. Tăng cường năng lực xử lý chất thải rắn.....	19
3.3.4. Về huy động nguồn lực tài chính	20
3.3.5. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật môi trường nói chung và pháp luật về xử lý chất thải rắn nói riêng cho cán bộ và nhân dân, từ đó tạo ra sự đồng thuận của người dân khi triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến xử lý chất thải rắn	20
3.3.6. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện các quy định về xử lý chất thải rắn.....	21
3.3.7. Thực hiện nghiêm túc công tác lập quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn Tỉnh.....	22
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	23
KẾT LUẬN CHUNG	24

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam qua hơn 20 năm đổi mới đã đạt được những thành công lớn nhưng bên cạnh đó cũng còn rất nhiều vấn đề cần phải giải quyết, trong đó có vấn đề về môi trường sống. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, phát sinh chất thải rắn (CTR) ở Việt Nam đang ngày càng gia tăng, trở thành vấn đề môi trường bức xúc.

Môi trường là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng và cần thiết với mỗi con người và mỗi quốc gia. Nó là nền tảng của sự tồn tại và phát triển bền vững của xã hội, bất cứ hoạt động gì của con người cũng diễn ra trong môi trường và vì thế nó có những tác động nhất định tới môi trường. Hiện nay với sự bùng nổ dân số trên toàn cầu và tốc độ công nghiệp hóa cao đã gây ra những tổn thất to lớn cho môi trường. Theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 nước ta trở thành nước công nghiệp vì vậy trong giai đoạn hiện nay cần phải đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhưng khi tốc độ phát triển ngày càng nhanh thì chất thải, chất thải rắn ngày càng nhiều gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của con người. Xuất phát từ tầm quan trọng của chất thải, nhất là chất thải rắn, vấn đề quản lý khai thác nó như thế nào để chất thải trở thành nguồn tài nguyên phục vụ cho đời sống con người là vấn đề hết sức cần thiết.

Mặc dù đã có những bước tiến đáng ghi nhận song công tác quản lý CTR hiện vẫn còn nhiều tồn tại như: CTR chưa được phân loại tại nguồn; các biện pháp giảm thiểu phát sinh chưa được áp dụng mạnh mẽ; tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt nông thôn còn thấp và chưa có chuyển biến tích cực; việc tái chế còn lạc hậu, gây ô nhiễm và; phương thức xử lý chính vẫn đang là chôn lấp.

Những nguyên nhân chủ yếu là do hệ thống chính sách pháp luật về quản lý CTR còn chưa đầy đủ, chồng chéo, việc tổ chức, phân công trách nhiệm về CTR vẫn còn phân tán và thiếu sự thống nhất gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện. Trong khi đó, việc triển khai thực thi các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về CTR vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Công tác thanh tra, kiểm tra thực thi pháp luật còn nhiều hạn chế, các chế tài quy định về xử phạt đối với các vi phạm về quản lý CTR chưa đủ sức răn đe. Mặt khác, việc tổ chức

triển khai quy hoạch quản lý CTR đã phê duyệt tại các địa phương còn chậm. Đầu tư cho công tác quản CTR còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế do thiếu nguồn lực tài chính. Công tác xã hội hóa hiện còn yếu do thiếu các quy định phù hợp nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư....

Quảng Bình là tỉnh có tốc độ phát triển mạnh mẽ ở miền Trung. Hiện nay, các hoạt động xử lý chất thải rắn của tỉnh còn nhiều bất cập, các quy định của pháp luật về xử lý chất thải rắn thông thường còn nhiều hạn chế, chưa đầy đủ gây ra rất nhiều khó khăn cho các chủ thể trong quá trình xử lý.

Vì thế, nghiên cứu pháp luật về xử lý chất thải rắn nhằm tìm ra những hạn chế, vướng mắc, từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình là vấn đề cấp thiết hiện nay.

Từ những lý do trên đây, tôi chọn đề tài “Pháp luật về xử lý chất thải rắn – Thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình” làm luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Chất thải rắn là vấn đề được nhiều người quan tâm, nghiên cứu. Thời gian qua đã có nhiều công trình khoa học về vấn đề này được công bố, tiêu biểu có một số công trình sau đây:

(i) Luận văn thạc sĩ khoa học của tác giả Bùi Thị Nhung với đề tài: “Quản lý chất thải rắn tại thành phố Hưng Yên” (2015) tại Trường Đại học KHTN Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn đã đề cập đến thực trạng phát sinh chất thải rắn tại thành phố Hưng Yên; Tìm hiểu hiện trạng chất thải rắn tại thành phố Hưng Yên; đồng thời tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn tại đây

(ii) Luận văn thạc sĩ Luật Kinh tế của tác giả Phan Thị Ngân với đề tài: “Pháp luật về quản lý chất thải rắn qua thực tiễn thực hiện tại thành phố Đà Nẵng” (2019) tại Trường Đại học Luật Huế. Luận văn đã làm sáng tỏ các khái niệm về chất thải, chất thải rắn; nghiên cứu nhu cầu điều chỉnh pháp luật, các yếu tố tác động đối với hoạt động quản lý chất thải; đã phân tích, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật tại thành phố Đà Nẵng; đưa ra các phương hướng và giải pháp hoàn thiện, cơ chế thực hiện pháp luật về quản lý chất thải rắn.

(iii) Luận văn thạc sĩ Luật Kinh tế của tác giả Lưu Việt Hùng với đề tài: “Pháp luật về quản lý chất thải rắn thông thường tại Việt Nam” (2010), tại Khoa

Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý chất thải rắn thông thường tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý chất thải nhằm mục tiêu phát triển bền vững

(iv) Các bài báo đã công bố của tiến sỹ Trần Trung Dũng thuộc chương trình KHCN trọng điểm cấp nhà nước “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên”, Mã số KHCN-TN3/11-15 (Chương trình Tây Nguyên 3) gồm các bài: “Chất thải rắn sinh hoạt đô thị trong quá trình đô thị hóa tại khu vực Tây Nguyên”(2015) đăng tại Tạp chí Khoa học trường Đại học Tây Nguyên (ISSN 1859-4611); “Thiết kế nghiên cứu: Định hướng quản lý chất thải rắn bền vững vùng Tây Nguyên” (2015) đăng tại Tạp chí Khoa học trường Đại học Tây Nguyên (ISSN 1859-4611); “Tiếp cận phương pháp nghiên cứu lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn nông nghiệp bền vững tại Tây Nguyên” (2015) đăng tại tạp chí Tạp chí Khoa học trường Đại học Tây Nguyên (ISSN 1859-4611); “Hiện trạng quản lý chất thải rắn ở các Tỉnh Tây Nguyên” (2014) đăng tại tạp chí Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam, Bộ Khoa học Công nghệ (ISSN 1859 - 4794)

Các bài báo của tiến sỹ Trần Trung Dũng đã phân tích, tổng hợp và tính toán các dữ liệu nguồn về hệ số phát thải, số lượng, thành phần, đặc điểm các loại chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, nguy hại. Từ những dữ liệu nguồn về hiện trạng chất thải rắn của Tây Nguyên, đề tài đã tiến hành dự báo phát sinh chất thải rắn đến năm 2020, phân tích các khả năng giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế phục vụ cho đề xuất các phương án quy hoạch, và quản lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện thực tế của các tỉnh Tây Nguyên. Ngoài ra, trên cơ sở dữ liệu thu thập được, đề tài đã tiến hành xây dựng phần mềm GIS hiện trạng và quản lý chất thải rắn Tây Nguyên, có tích hợp với bản đồ Google Earth, góp phần phục vụ công tác quản lý và xử lý chất thải rắn tại các tỉnh Tây Nguyên.

Các công trình nêu trên đã nghiên cứu chỉ ra những thành công và những hạn chế trong công tác quản lý chất thải, chất thải rắn, đồng thời cũng chỉ ra nhiều giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động quản lý chất thải rắn và các kiến nghị với cơ quan cấp nhà nước để hoạt động quản lý chất thải rắn ngày càng được hoàn thiện hơn. Chính sách về quản lý, xử lý chất thải rắn được ban hành

sửa đổi, bổ sung với nhiều điểm mới, phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế, quá trình hội nhập và phù hợp với trình độ phát triển kinh tế xã hội của nước ta hiện nay. Để thực hiện tốt việc xử lý chất thải, được người dân hưởng ứng thực hiện thì việc nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý chất thải là hết sức cần thiết đảm bảo cho sự phát triển bền vững của một nền công nghiệp, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, tìm hiểu, phân tích một cách có hệ thống, toàn diện và đầy đủ về pháp luật về chất thải rắn gắn liền với thực tiễn của tỉnh Quảng Bình thì chưa có công trình nào. Trên cơ sở kế thừa kết quả, thành tựu nghiên cứu của các công trình khoa học về vấn đề này đã công bố, Luận văn tiếp tục nghiên cứu, tập hợp và phát triển hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn xử lý chất thải rắn qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình để hoàn thành mục tiêu, phạm vi, nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận văn là phân tích thực trạng nội dung các quy định về xử lý chất thải rắn qua thực tiễn tỉnh Quảng Bình, đề xuất hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích đặt ra, Luận văn có những nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau:

- Phân tích và làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về chất thải, chất thải rắn, pháp luật về xử lý chất thải rắn
- Phân tích và đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam về xử lý chất thải rắn.
- Phân tích và đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình
- Đề xuất các phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn bao gồm các nội dung cụ thể sau:

- Lý luận về xử lý chất thải rắn.

- Pháp luật về xử lý chất thải rắn: Trong khuôn khổ luận văn này tác giả tập trung vào nội dung các quy định của pháp luật về xử lý chất thải rắn thông thường gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và phế liệu.

- Vương mắc, bất cập của pháp luật về xử lý chất thải rắn.

- Thực tiễn áp dụng pháp luật về xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Trong khuôn khổ của luận văn thạc sĩ luật học, tác giả giới hạn phạm vi nghiên cứu:

Về mặt không gian: Luận văn nghiên cứu tại địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Về mặt thời gian: Các số liệu nghiên cứu từ năm 2015 đến nay.

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn được thực hiện dựa trên các phạm trù của triết học Mác - Lênin mà hạt nhân là phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Đồng thời, trong quá trình nghiên cứu Luận văn bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải nói riêng.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài việc sử dụng phương pháp luận, Luận văn còn sử dụng các phương pháp cụ thể sau:

- Phương pháp phân tích, phương pháp bình luận, phương pháp diễn giải v.v được sử dụng tại Chương 1 khi nghiên cứu những vấn đề lý luận về xử lý chất thải rắn và pháp luật về xử lý chất thải rắn.

- Phương pháp so sánh, phương pháp đánh giá, phương pháp tổng hợp được sử dụng tại Chương 2 khi nghiên cứu nội dung thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình.

- Phương pháp tổng hợp, phương pháp quy nạp, phương pháp lập luận logic được sử dụng tại Chương 3 khi nghiên cứu phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình.

- Luận văn sử dụng phương pháp logic để sắp xếp các vấn đề được trình bày trong luận văn một cách có hệ thống.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học của luận văn

Luận văn góp phần làm phong phú thêm kiến thức khoa học về chất thải rắn, cơ chế quản lý, xử lý chất thải rắn, những yêu cầu và tiêu chuẩn đặt ra cho việc xử lý chất thải rắn trong bối cảnh Việt Nam đang phát triển nhanh, kèm theo đó là các tác động xấu tới môi trường sống vì lượng rác thải ngày càng nhiều và đa dạng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Bên cạnh giá trị lý luận, đề tài nghiên cứu còn mang giá trị thực tiễn với việc phân tích những bất hợp lý trong cơ chế xử lý chất thải rắn, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động bảo vệ môi trường trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập nền kinh tế thế giới. Phát triển là xu thế chung của từng cá nhân và cả loài người trong quá trình sống. Giữa môi trường và sự phát triển có mối quan hệ hết sức chặt chẽ: môi trường là địa bàn và đối tượng của sự phát triển, còn phát triển là nguyên nhân tạo nên các biến đổi của môi trường.

7. Bố cục luận văn

Ngoài phần cam đoan, mục lục, mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về xử lý chất thải rắn và pháp luật về xử lý chất thải rắn.

Chương 2: Thực trạng pháp luật xử lý chất thải rắn và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Quảng Bình.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về xử lý chất thải rắn.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ

XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN VÀ PHÁP LUẬT VỀ

XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN

1.1. Một số vấn đề lý luận về xử lý chất thải rắn

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm chất thải rắn

1.1.1.1. Khái niệm chất thải rắn

a) Khái niệm chất thải

Tại Khoản 12 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 quy định chất thải là vật chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

b) Khái niệm chất thải rắn

Khái niệm về chất thải rắn đã được quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP: “*Chất thải rắn là chất thải ở thể rắn hoặc sệt (còn gọi là bùn thải) được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác*”¹. Ví dụ: giấy báo, rác sân vườn, đồ đạc đã sử dụng, bì nhựa, rác sinh hoạt và bất cứ những gì mà con người loại ra môi trường.

c) Khái niệm chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường là một dạng vật chất ở thể rắn, không phải là thể lỏng, thể khí, không có chứa các hợp chất chưa đến mức có thể gây nguy hại môi trường và sức khỏe con người.

Theo Luật BVMT 2014, CTRTT có 2 loại cơ bản là CTRSH và CTRCNTT:

Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người².

Chất thải rắn công nghiệp là chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ³.

1.1.1.2. Đặc điểm chất thải rắn

- Thành phần lý, hóa học của chất thải rắn rất khác nhau tùy thuộc vào từng địa phương, vào các mùa khí hậu, vào điều kiện kinh tế và nhiều yếu tố khác.

¹ Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

² Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu..

³ Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Chất thải rắn nếu không được xử lý đúng có thể ảnh hưởng sâu rộng về môi trường và sức khỏe cộng đồng
- Chất thải rắn cũng có thể mang đến lợi ích kinh tế.

1.1.2. Khái niệm, mục đích xử lý chất thải rắn

1.1.2.1. Khái niệm xử lý chất thải rắn thông thường

1.1.2.2. Mục đích của việc xử lý chất thải rắn thông thường

1.1.3. Phân loại chất thải rắn

Phân loại theo nguồn gốc phát sinh.

Phân loại theo thành phần hóa học.

Phân loại theo tính chất độc hại.

Phân loại theo công nghệ xử lý hoặc khả năng tái chế.

1.2. Một số vấn đề lý luận về pháp luật xử lý chất thải rắn

1.2.1. Khái niệm, nội dung pháp luật về xử lý chất thải rắn

Pháp luật về xử lý chất thải rắn thông thường là một hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình xử lý chất thải rắn thông thường nhằm phòng ngừa ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

1.2.2. Vai trò của pháp luật về xử lý chất thải rắn

1.2.3. Nguyên tắc của pháp luật xử lý chất thải rắn

1.2.4. Các yêu cầu đặt ra đối với pháp luật về xử lý chất thải rắn

1.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về xử lý chất thải rắn

1.3. Quy định của pháp luật Việt Nam về xử lý chất thải rắn

1.3.1. Quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1.3.1.1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Thứ nhất, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

Thứ hai, trách nhiệm của chủ thu gom chất thải rắn sinh hoạt

Thứ ba, trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1.3.1.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với xử lý chất thải rắn

Thứ nhất, trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường

Thứ hai, trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

1.3.2. Quy định về thu gom, vận chuyển chất thải rắn

1.3.2.1. Quy định về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1.3.2.2. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường

1.3.3. Quy định về xử lý chất thải rắn, yêu cầu xử lý chất thải

1.3.3.1. Quy định về xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Thứ nhất, lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Thứ hai, lựa chọn chủ đầu tư, chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1.3.3.2. Quy định về xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

1.3.4. Chi phí xử lý chất thải rắn

1.3.4.1. Chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1.3.4.2. Chi phí xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

1.3.5. Xử lý vi phạm pháp luật về xử lý chất thải rắn thông thường

1.3.5.1. Xử lý vi phạm hành chính

Thứ nhất, áp dụng hình thức phạt tiền

Thứ hai, áp dụng hình thức xử phạt bổ sung

1.3.5.2. Về truy cứu trách nhiệm hình sự

1.3.5.3. Về giải quyết bồi thường thiệt hại

1.3.6. Trách nhiệm của Nhà nước trong xử lý chất thải rắn

1.3.6.1. Trách nhiệm của Nhà nước trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1.3.6.2. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Nhằm đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế từ đó vực dậy nền kinh tế sau những năm dài chịu ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh. Đảng và Nhà nước ta đã xây dựng rất nhiều đường lối, chủ trương, chính sách để phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Do đó, vấn đề quản lý chất thải nói chung và xử lý chất thải rắn nói riêng là một vấn đề vô cùng quan trọng trong quá trình thực hiện mục tiêu chiến lược đã được đề ra. Trên cơ sở vai trò quan trọng của công tác xử lý chất thải rắn nêu trên, tại Chương 1, bên cạnh việc làm rõ nội hàm một số khái niệm cơ bản về chất thải, chất thải rắn, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường.... theo quy định của pháp luật, Luận văn đã phân tích và xây dựng các khái niệm mới về xử lý chất thải rắn thông thường, pháp luật xử lý chất thải rắn và thi hành pháp luật về xử lý chất thải rắn; đồng thời,

phân tích nội dung của pháp luật về xử lý chất thải rắn cũng như đánh giá vai trò, mục đích, nội dung...của pháp luật về xử lý chất thải rắn; từ đó, làm cơ sở lý luận cho việc phân tích làm rõ thực trạng pháp luật, tình hình thi hành pháp luật xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tại Chương 2.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. Thực trạng pháp luật về xử lý chất thải rắn

Bên cạnh những điểm mới, điểm tiến bộ trong các quy định của pháp luật về xử lý CTR, nội dung một số văn bản pháp luật liên quan đến các quy định về xử lý CTR bộc lộ một số vướng mắc, bất cập như sau:

Thứ nhất, công tác quản lý CTR còn nhiều bất cập, chông chéo giữa nhiều bộ ngành, dẫn tới tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh trật tự trên nhiều địa phương.

Thứ hai, Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan được giao thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, nhưng một số nội dung về: Hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTR sinh hoạt theo quy hoạch được phê duyệt; phương pháp lập, quản lý chi phí và phương pháp định giá dịch vụ xử lý CTR sinh hoạt; công bố định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt; suất vốn đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất CTR lại được giao Bộ Xây dựng thực hiện dẫn đến Bộ Tài nguyên và Môi trường khó thống nhất quản lý nhà nước về CTR sinh hoạt.

Thứ ba, các văn bản dưới luật như Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng,... đang có sự phân đoạn và không rõ ràng trong phân công chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về CTR; chưa quy định, phân luồng quản lý CTR một cách thống nhất...

Thứ tư, công tác xử lý vi phạm pháp luật quản lý CTR vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc vì những nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau.

Đồng thời, mức phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT nói chung còn chưa phù hợp và còn nhiều điểm quy định rất chung chung.

Thứ năm, hệ thống quy chuẩn môi trường quốc gia đặc biệt là quy chuẩn quốc gia về CTR, đặc biệt là chất thải rắn công nghiệp chưa phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường 2014 và điều kiện thực tế.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình

2.2.1. Thực tiễn ban hành và triển khai thực hiện các văn bản pháp luật quản lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình

Trên cơ sở các quy định của pháp luật về môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ban hành nhiều văn bản để triển khai thi hành các quy định về phân loại CTR. Các văn bản đã giải quyết đồng bộ từ khâu phân loại tại nguồn đến khâu thu gom, vận chuyển, xử lý CTR với mục tiêu xử lý triệt để CTR, tăng tỷ lệ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR tại tỉnh Quảng Bình. Cũng tại các văn bản này đã xác định được trách nhiệm của các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan đến việc quản lý CTR có tính đến hiệu quả triển khai thi hành trên thực tế.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về phân loại chất thải rắn tại nguồn

UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành nhiều văn bản để triển khai thi hành có hiệu quả các quy định về phân loại chất thải rắn tại nguồn. Trên cơ sở các văn bản được ban hành, việc phân loại CTR đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng các đơn vị, địa phương thực hiện công tác tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Một số địa phương đã huy động được sự tham gia đóng góp của các doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế hưởng ứng và tài trợ cho công tác này thông qua các phương tiện, thiết bị phục vụ việc thu gom rác tại một số công trình công cộng.

2.2.3. Thực tiễn áp dụng các quy định về thu gom, vận chuyển chất thải rắn

Thời gian qua, công tác quản lý CTR trên địa bàn Tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định, mạng lưới thu gom CTR ở các địa phương ngày càng được mở rộng, công tác xã hội hóa trong thu gom, vận chuyển CTR đã đạt được một số kết quả khả quan. Công tác thu gom, vận chuyển CTRSH đã được triển khai tại tất cả các địa phương trên toàn Tỉnh.

Ngày 19/9/2018, tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 3126/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Quảng Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, theo đó, để triển khai có hiệu quả hoạt động thu gom, vận chuyển CTR.

2.2.4. Thực tiễn áp dụng các quy định về xử lý chất thải rắn

Để nghiên cứu và đưa ra những đánh giá mang tính tổng quan, phản ánh đúng thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật xử lý CTR tại tỉnh Quảng Bình, tác giả lựa chọn một số địa phương của Tỉnh đã triển khai các công tác xử lý chất thải với các tiêu chí đó là:

Thứ nhất, các hoạt động xử lý CTR nằm trên các địa bàn các huyện khác nhau và đặc trưng cho các quy định về xử lý CTR từng giai đoạn, tập trung từ năm 2015 đến nay.

Thứ hai, dự báo được khối lượng CTR phát sinh, thu gom, vận chuyển và được xử lý đến năm 2020 tại mỗi địa phương

Thứ ba, dự báo được tác động của việc xử lý CTR đối với môi trường.

Với các tiêu chí trên, tác giả lựa chọn các địa phương thực hiện việc xử lý CTR tại các bãi rác tập trung sau: (i) Bãi rác chung Đồng Hới - Bố Trạch, thành phố Đồng Hới, huyện Bố Trạch; (ii) Bãi rác Phong Nha, huyện Bố Trạch; (iii) Bãi rác Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch làm địa điểm nghiên cứu.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thời gian vừa qua việc áp dụng các quy định về xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình vẫn còn bộc lộ những hạn chế như: Việc xử lý CTRSH tại các bãi rác của các huyện còn tương đối bất cập. CTR sau khi đổ không tiến hành san gạt và xử lý theo quy trình. Lốp bạt lót một phần bị hỏng mà chưa có biện pháp khắc phục. Đối với các xã nằm xa khu vực trung tâm kinh phí thu được không đủ để chi trả lương của công nhân và thuê xe vận chuyển, vì vậy tình trạng tự đốt hoặc vẫn hợp đồng nhưng không thanh toán chi phí vận chuyển vẫn xảy ra gây khó khăn cho công tác thu gom và vận chuyển.

Như vậy, nhìn tổng thể có thể thấy, để đảm bảo điều kiện cho việc thu gom và xử lý triệt để CTR trên địa bàn Tỉnh, cần phải có sự đầu tư đồng bộ về trang thiết bị và tăng cường nhân lực trực tiếp. Đồng thời, đẩy mạnh việc thu hút và đào tạo cán bộ quản lý có chuyên môn về môi trường tại tất cả các cấp quản lý.

2.2.5. Thực tiễn áp dụng các quy định về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật

Trong thời gian qua, UBND tỉnh Quảng Bình đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường chủ trì và phối hợp với các cơ quan Trung ương; các Sở, ngành, địa phương thanh tra các cơ sở có phát sinh CTR về công tác xử lý CTR

nói riêng và việc quản lý CTR nói chung. Qua công tác thanh tra, kiểm tra để xử lý vi phạm và chấn chỉnh, hướng dẫn các cơ sở thực hiện quản lý chất thải và vệ sinh môi trường đảm bảo theo quy định.

Qua công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, kiểm soát, thanh kiểm tra các cơ sở doanh nghiệp trên địa bàn cho thấy hầu hết các doanh nghiệp đều cơ bản chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đã đầu tư xây dựng các công trình xử lý môi trường, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, không để xảy ra các sự cố môi trường gây hậu quả nghiêm trọng...

2.3. Đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình

2.3.1. Khái quát chung tình hình xử lý CTR tại tỉnh Quảng Bình

2.3.2. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, ban hành chính sách về quản lý chất thải nói chung và xử lý CTR nói riêng tại địa phương

Thứ hai, xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở xử lý chất thải rộng khắp trên địa bàn toàn Tỉnh

Một là, hệ thống cơ sở xử lý chất thải được phân bố rộng khắp trên địa bàn Tỉnh

Hai là, chú trọng đầu tư hạ tầng kỹ thuật xử lý CTR

Thứ ba, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và xây dựng ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng, người dân và doanh nghiệp về quản lý CTR nói chung và xử lý CTR nói riêng

2.3.3. Những hạn chế, bất cập, vướng mắc phát sinh từ quá trình xử lý CTR tại tỉnh Quảng Bình

Thứ nhất, về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong quản lý CTR

Thứ hai, về nguồn kinh phí

Thứ ba, công tác kiểm tra, thanh tra thực thi pháp luật còn nhiều hạn chế, các chế tài quy định về xử phạt đối với các hành vi vi phạm về BVMT đối với CTR còn chưa đủ sức răn đe, mức thi hành cưỡng chế có hiệu lực chưa cao dẫn đến hiệu quả quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Thứ tư, về năng lực của các tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý CTR

Thứ năm, về công nghệ xử lý CTR hiện nay

Thứ sáu, về ý thức của cộng đồng trong công tác quản lý CTR

2.3.4. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

a) Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, do điều kiện tự nhiên của Tỉnh khá phức tạp nên việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường tại một số địa bàn có nhiều khó khăn và hạn chế.

Thứ hai, trước đây công tác bảo vệ môi trường chưa được chú trọng, vì thế hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường được ban hành chưa lâu, còn thiếu đồng bộ, nhiều vấn đề chưa hợp lý nên đòi hỏi một quá trình để hoàn thiện và đi vào cuộc sống.

Thứ ba, đầu tư cho xử lý môi trường đòi hỏi nguồn lực lớn trong khi nội lực ngân sách địa phương có hạn. Nhiều cơ sở công nghiệp trên địa bàn Tỉnh được xây dựng từ lâu nên công nghệ cũ, lạc hậu, sản xuất kém hiệu quả, phát sinh lượng chất thải lớn, hệ thống xử lý chất thải chưa đảm bảo.

b) Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, phổ biến chủ trương, pháp luật của một số cấp uỷ Đảng, Chính quyền ở một số nơi thiếu thường xuyên, quyết liệt; công tác đánh giá sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm chưa đầy đủ.

Thứ hai, do áp lực tăng trưởng, nên còn tồn tại tư tưởng giành nguồn lực tập trung đầu tư để sớm đem lại hiệu quả kinh tế trước mắt mà thiếu tính lâu dài, bền vững, thể hiện ở cả công tác quy hoạch, định hướng phát triển còn thiếu tính đồng bộ, hợp lý.

Thứ ba, công tác quản lý bảo vệ môi trường đòi hỏi xã hội hoá cao và có sự phối hợp chặt chẽ thường xuyên, song trong thực tế việc phối hợp giữa các sở, ban, ngành các cấp, các đoàn thể chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư còn nhiều bất cập, thiếu chặt chẽ, thường xuyên, thiếu điều kiện cơ sở vật chất để triển khai các nội dung chương trình.

Thứ tư, ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường của một số doanh nghiệp, người dân nhìn chung còn hạn chế do nhận thức và chạy theo lợi ích cục bộ, cá nhân.

Thứ năm, công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường nói chung và CTR nói riêng còn thiếu đổi mới, hiệu quả chưa cao.

Thứ sáu, công tác quản lý nhà nước về môi trường còn một số hạn chế. Kiểm tra, thanh tra xử lý các vi phạm chưa thật kiên quyết.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Phát triển bền vững là sự phát triển đồng bộ giữa kinh tế, xã hội và môi trường. Để thực hiện cả 3 nội dung trên thì tăng trưởng kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường và giải quyết tốt vấn đề bảo vệ môi trường cũng là một phần để giải quyết vấn đề xã hội. Nhận thức này đã trở thành tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong các chủ trương và đường lối của Đảng trong những năm qua.

Luật Bảo vệ môi trường 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có nhiều quy định cụ thể về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức làm phát sinh CTR, quy định về thu gom, vận chuyển CTR, quy định về xử lý CTR... Các quy định này đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý CTR nói chung và xử lý CTR nói riêng, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế. Tuy nhiên, một số quy định về xử lý CTR vẫn còn bất cập, chưa bao quát hết các vấn đề của thực tiễn xử lý CTR, dẫn đến hiệu quả thi hành chưa cao.

Việc khẩn trương triển khai đồng bộ các giải pháp hướng tới việc nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý CTR trong thời gian tới là hết sức cần thiết. Bên cạnh đó, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, từng cá nhân phải nhận thức được trách nhiệm và cùng chung tay bảo vệ môi trường, mới có thể tạo ra chuyển biến tích cực và nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường nói chung và công tác xử lý CTR nói riêng, tiến tới từng bước ngăn ngừa tình trạng ô nhiễm môi trường.

Chương 3
ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT
VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT
VỀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về xử lý chất thải rắn

Hoàn thiện pháp luật về xử lý chất thải rắn cần dựa trên những định hướng sau:

Thứ nhất, bám sát quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Thứ hai, dựa trên cơ sở các điều kiện về kinh tế - xã hội Việt Nam.

Thứ ba, cần căn cứ vào thực trạng pháp luật và thực trạng áp dụng pháp luật xử lý chất thải rắn ở Việt Nam.

Thứ tư, thực hiện trên cơ sở đảm bảo phát triển bền vững.

Thứ năm, dựa trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới.

Bên cạnh đó để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về xử lý chất thải rắn cần:

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện tổ chức hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật liên quan tới các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức, cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp và các tầng lớp dân cư trên địa bàn Tỉnh.

Thứ hai, cụ thể hoá các nội dung nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ môi trường.

Thứ ba, tăng cường công tác thanh kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức cá nhân, kiên quyết xử lý những đối tượng gây ô nhiễm môi trường và buộc phải đầu tư khắc phục ô nhiễm.

Thứ tư, kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của các cơ quan chuyên môn từ cấp tỉnh đến cơ sở và tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể về quản lý và bảo vệ môi trường.

Thứ năm, tăng cường công tác xã hội hoá các hoạt động bảo vệ môi trường, xây dựng các điển hình tiên tiến và nhân rộng thành phong trào toàn dân bảo vệ môi trường.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật xử lý chất thải rắn

Thứ nhất, hoàn thiện các quy định về xử lý các hành vi vi phạm pháp luật quản lý CTRTT

Thứ hai, Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan được giao thống nhất

quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Thứ tư, tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức phục vụ công tác bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa phương theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2014.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật xử lý chất thải rắn

3.3.1. Tiếp tục hoàn thiện, triển khai các thể chế, chính sách

Thứ nhất, xây dựng các văn bản về BVMT phù hợp với tình hình phát triển của Tỉnh. Lồng ghép các yêu cầu BVMT vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành ở địa phương.

Thứ hai, tăng cường sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả với lực lượng cảnh sát môi trường trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy đáp ứng yêu cầu quản lý chất thải rắn

Thứ nhất, tiếp tục kiện toàn và tăng cường năng lực, tổ chức bộ máy quản lý môi trường của đơn vị, địa phương, bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về môi trường từ cấp tỉnh đến cơ sở nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Thứ hai, đảm bảo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải rắn nói riêng có cơ cấu hợp lý, sắp xếp, bố trí lại số biên chế hiện có và bổ sung kịp thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể tại các cơ quan bảo vệ môi trường và địa phương.

Thứ ba, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã phải được đào tạo đúng chuyên môn, nghiệp vụ môi trường và các yêu cầu khác đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

3.3.3. Tăng cường năng lực xử lý chất thải rắn

Thứ nhất, tăng cường về số lượng và chất lượng cán bộ quản lý môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã. Tập huấn và bồi dưỡng để nâng cao năng lực cán bộ quản lý môi trường các cấp.

Thứ hai, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác quản lý môi trường; chú trọng đổi mới công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm

đảm bảo hạn chế tác động tới môi trường và không ngừng nâng cao năng suất lao động của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

Thứ ba, tăng cường phối hợp công tác quản lý môi trường giữa các ban, ngành, địa phương trong tỉnh.

3.3.4. Về huy động nguồn lực tài chính

Thứ nhất, tăng cường huy động nguồn lực tài chính cho công tác bảo vệ môi trường. Tăng đầu tư và chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho công tác bảo vệ môi trường. Tăng mức chi sự nghiệp môi trường ít nhất 1,5% tổng chi cho ngân sách, dự kiến hàng năm tăng dần tổng chi ngân sách cho hoạt động BVMT so với năm trước.

Thứ hai, tranh thủ sự ủng hộ của các Bộ, ngành Trung ương và các tổ chức quốc tế thực hiện các dự án BVMT, đa dạng hóa đầu tư BVMT, thực hiện các cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư BVMT.

Thứ ba, các doanh nghiệp được tính vốn đầu tư BVMT trong giá thành chi phí sản xuất để huy động khoảng 1 - 2% tổng chi phí của doanh nghiệp.

Thứ tư, tăng cường nguồn vốn đầu tư vốn cho sự nghiệp bảo vệ môi trường địa phương, ưu tiên đầu tư xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng các đơn vị thuộc khu vực công ích (bệnh viện, bãi rác...).

3.3.5. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật môi trường nói chung và pháp luật về xử lý chất thải rắn nói riêng cho cán bộ và nhân dân, từ đó tạo ra sự đồng thuận của người dân khi triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến xử lý chất thải rắn

Thứ nhất, trong thời điểm nước ta vừa đồng loạt sửa đổi và ban hành các đạo luật quan trọng... thì việc đưa các đạo luật này áp dụng vào thực tiễn là rất cần thiết. Do vậy, tỉnh Quảng Bình cần tăng cường tổ chức các buổi tập huấn, phổ biến những văn bản quy phạm pháp luật mới, những cơ chế, chính sách mới. Đặc biệt là đưa các quy định của pháp luật thực định đến với đội ngũ cán bộ, các bản làng xa xôi, nơi có trình độ dân trí, trình độ pháp luật còn thấp, từ đó góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức pháp luật về xử lý chất thải rắn và kinh nghiệm giải quyết thực tiễn cho đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật về xử lý chất thải nói chung và xử lý chất thải rắn nói riêng tại địa phương.

Thứ hai, việc phổ biến pháp luật phải được thực hiện một cách thường xuyên với nội dung và hình thức phù hợp với đông đảo quần chúng nhân dân. Đó là sự phối kết hợp của các cấp, các ngành từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã, nhất là đến từng thôn, làng, tổ dân phố bằng nhiều hình thức khác nhau như: tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương hoặc tiếp xúc trực tiếp với nhân dân (tại các cuộc họp tổ dân phố, thôn, làng hoặc các cuộc họp khác của địa phương hoặc các cuộc tiếp xúc cử tri,...).

Thứ ba, tiếp tục nâng cao nhận thức, ý thức đối với công tác BVMT cho các ngành, các cấp, các tổ chức Hội, Đoàn thể và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức BVMT cho cộng đồng một cách có hiệu quả và đồng bộ.

3.3.6. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện các quy định về xử lý chất thải rắn

Để góp phần nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các quy định về xử lý chất thải rắn, đảm bảo tính công khai, minh bạch và đảm bảo được quyền lợi của người dân, chúng ta cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, tăng cường thanh tra, kiểm tra (định kỳ hoặc đột xuất) các cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện các quy định về xử lý chất thải rắn nhằm phát hiện, chấn chỉnh kịp thời những yếu kém, sai phạm và xử lý nghiêm minh các vi phạm về xử lý chất thải rắn.

Thứ hai, thực hiện việc giám sát thi hành thông qua Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc tại địa phương, nhất là vai trò giám sát xã hội của các cơ quan truyền thông, các tổ chức xã hội và người dân, đối với việc tuân thủ pháp luật môi trường nói chung cũng như các quy định về xử lý chất thải rắn nói riêng của các cơ quan có thẩm quyền, các cơ quan có liên quan được giao nhiệm vụ thực hiện xử lý chất thải rắn.

Thứ ba, thanh tra, kiểm tra việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động xử lý chất thải rắn của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền khi thực thi nhiệm vụ. Để một mặt nhằm phát hiện, chấn chỉnh kịp thời những khuyết tật, sai phạm và xử lý nghiêm minh các vi phạm của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền; mặt khác, đảm bảo các khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn được giải quyết kịp thời, dứt điểm và đúng pháp luật.

3.3.7. Thực hiện nghiêm túc công tác lập quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn Tỉnh

Để quy hoạch quản lý chất thải rắn đảm bảo tính khả thi, tính thống nhất, tính đồng bộ, chúng ta cần phải thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, tính toán kỹ càng và xác định rõ ràng mối quan hệ giữa quy hoạch quản lý chất thải với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch xây dựng đô thị nhằm tránh hiện tượng mâu thuẫn, chồng chéo giữa các loại quy hoạch.

Thứ hai, thực hiện việc công bố công khai và đảm bảo tính khách quan, minh bạch của quy hoạch quản lý chất thải và các quy hoạch khác có liên quan trên các phương tiện thông tin truyền thông hoặc niêm yết công khai (tại trụ sở cơ quan, đơn vị lập quy hoạch).

Thứ ba, thực hiện thanh tra, kiểm tra và giám sát việc lập quy hoạch quản lý chất thải rắn tại địa bàn Tỉnh một cách thường xuyên nhằm thực hiện nghiêm túc và đảm bảo tính thống nhất về quy hoạch giữa cấp trên và cấp dưới, giữa trung ương và địa phương.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

1. Hoàn thiện pháp luật về xử lý chất thải rắn là một đòi hỏi mang tính khách quan ở Việt Nam. Yêu cầu đặt ra cho việc hoàn thiện pháp luật là vừa phải có những giải pháp mang tính định hướng đúng đắn, phù hợp; vừa phải có những giải pháp thiết thực cụ thể.

2. Hoàn thiện pháp luật về xử lý chất thải rắn ở Việt Nam là một nhiệm vụ khó khăn và phức tạp, đòi hỏi phải có một quá trình và không chỉ cần có định hướng đúng mà cần phải có những giải pháp thiết thực, đi đôi với việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp đề ra trong đời sống thực tế.

3. Từ thực tiễn sinh động của hoạt động xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình, trên cơ sở phân tích nội dung các quy định của pháp luật về xử lý chất thải rắn, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế của các quy định pháp luật thực định và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình nói riêng và cả nước nói chung. Đó là:

(i) Nhóm giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về xử lý chất thải rắn

(ii) Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xử lý chất thải rắn

Nội dung này tập trung vào một số giải pháp cơ bản như: (i) Về thể chế, chính sách; (ii) Về kiện toàn tổ chức bộ máy; (iii) Về tăng cường năng lực xử lý chất thải rắn; (iv) Về huy động nguồn lực tài chính; (v) Về việc nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức cho người dân

KẾT LUẬN CHUNG

Song song với phát triển kinh tế luôn đi kèm với các vấn đề môi trường được đặt ra. Với những lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, Quảng Bình đang là một trong những Tỉnh có tỉ lệ thu hút vốn đầu tư trong nước cũng như nước ngoài rất lớn. Kinh tế của Tỉnh ngày càng phát triển nhưng cùng với đó là các vấn đề về môi trường được đặt ra như: tình trạng ô nhiễm môi trường do các chất thải rắn gây ra, sự suy giảm các loại tài nguyên... Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu những vấn đề lý luận về pháp luật xử lý chất thải rắn tại Chương 1, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về xử lý chất thải rắn tại tỉnh Quảng Bình tại Chương 2 và đề xuất định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý chất thải rắn tại Chương 3 của Luận văn, tác giả rút ra một số kết luận chủ yếu sau đây:

1. Làm rõ được các vấn đề lý luận về chất thải rắn và pháp luật về xử lý chất thải rắn.

2. Đánh giá thực trạng pháp luật về xử lý chất thải rắn cho thấy bên cạnh những kết quả đạt được, việc thi hành vực pháp luật này còn bộc lộ một số hạn chế nhất định.

3. Để khắc phục những bất cập nêu trên thì việc hoàn thiện pháp luật về xử lý chất thải rắn cần dựa trên những định hướng chủ yếu sau:

- Hoàn thiện pháp luật về xử lý chất thải rắn.

- Để nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xử lý chất thải rắn trong thời gian tới phải định hướng theo các nội dung sau:

(i) Tiếp tục thực hiện tổ chức hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật liên quan tới các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức, cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp và các tầng lớp dân cư.

(ii) Cụ thể hoá các nội dung nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ môi trường

(iii) Tăng cường công tác thanh kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức cá nhân, kiên quyết xử lý những đối tượng gây ô nhiễm môi trường và buộc phải đầu tư khắc phục ô nhiễm.

(iv) Kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của các cơ quan chuyên môn từ cấp tỉnh đến cơ sở và tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể về quản lý và bảo vệ môi trường.

(v) Tăng cường công tác xã hội hoá các hoạt động bảo vệ môi trường, xây dựng các điển hình tiên tiến và nhân rộng thành phong trào toàn dân bảo vệ môi trường.

4. Trên cơ sở định hướng hoàn thiện pháp luật về xử lý chất thải rắn, Luận văn đưa ra một số giải pháp hoàn thiện cơ bản sau: (i) Về thể chế, chính sách; (ii) Về kiện toàn tổ chức bộ máy; (iii) Về tăng cường năng lực xử lý chất thải rắn; (iv) Về huy động nguồn lực tài chính; (v) Về việc nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức cho người dân.